

THỐNG KÊ TIẾN ĐỘ ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT HỌC SINH
CUỐI NĂM HỌC - NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Lớp	Số	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ						Trung thực						Trách nhiệm					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	1A	33	22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3		
2	1B	33	20	60.6	13	39.4			20	60.6	13	39.4			20	60.6	13	39.4			20	60.6	13	39.4			20	60.6	13	39.4		
3	1C	34	26	76.5	8	23.5			26	76.5	8	23.5			26	76.5	8	23.5			26	76.5	8	23.5			26	76.5	8	23.5		
4	1D	33	22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3			22	66.7	11	33.3		
5	1E	26	20	76.9	6	23.1			20	76.9	6	23.1			20	76.9	6	23.1			20	76.9	6	23.1			20	76.9	6	23.1		
6	Tổng khối 01	159	110	69.2	49	30.8			110	69.2	49	30.8			110	69.2	49	30.8			110	69.2	49	30.8			110	69.2	49	30.8		
7	2A.	35	22	62.9	13	37.1			22	62.9	13	37.1			22	62.9	13	37.1			22	62.9	13	37.1			22	62.9	13	37.1		
8	2B.	37	30	81.1	7	18.9			30	81.1	7	18.9			30	81.1	7	18.9			30	81.1	7	18.9			30	81.1	7	18.9		
9	2C.	36	24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3		
10	2D.	37	34	91.9	3	8.1			34	91.9	3	8.1			34	91.9	3	8.1			34	91.9	3	8.1			34	91.9	3	8.1		
11	2E.	23	16	69.6	7	30.4			16	69.6	7	30.4			16	69.6	7	30.4			16	69.6	7	30.4			16	69.6	7	30.4		
12	Tổng khối 02	168	126	75.0	42	25.0			126	75.0	42	25.0			126	75.0	42	25.0			126	75.0	42	25.0			126	75.0	42	25.0		
13	3A	37	25	67.6	12	32.4			24	64.9	13	35.1			23	62.2	13	35.1	1	2.7	23	62.2	14	37.8			23	62.2	13	35.1	1	2.7
14	3B	38	28	73.7	10	26.3			28	73.7	10	26.3			28	73.7	10	26.3			28	73.7	10	26.3			28	73.7	10	26.3		
15	3C	37	23	62.2	14	37.8			23	62.2	14	37.8			23	62.2	14	37.8			23	62.2	14	37.8			23	62.2	14	37.8		
16	3D	36	24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3			24	66.7	12	33.3		
17	Tổng khối 03	148	100	67.6	48	32.4			99	66.9	49	33.1			98	66.2	49	33.1	1	0.7	98	66.2	50	33.8			98	66.2	49	33.1	1	0.7
18	4A	36	16	44.4	20	55.6			16	44.4	20	55.6			16	44.4	20	55.6			16	44.4	20	55.6			16	44.4	20	55.6		
19	4B	33	17	51.5	16	48.5			17	51.5	16	48.5			17	51.5	16	48.5			17	51.5	16	48.5			17	51.5	16	48.5		
20	4C	34	16	47.1	18	52.9			16	47.1	18	52.9			16	47.1	18	52.9			16	47.1	18	52.9			16	47.1	18	52.9		
21	4D	35	24	68.6	11	31.4			24	68.6	11	31.4			23	65.7	12	34.3			23	65.7	12	34.3			23	65.7	12	34.3		
22	4E	37	24	64.9	13	35.1			24	64.9	13	35.1			24	64.9	13	35.1			24	64.9	13	35.1			23	62.2	14	37.8		
23	Tổng khối 04	175	97	55.4	78	44.6			97	55.4	78	44.6			96	54.9	79	45.1			96	54.9	79	45.1			95	54.3	80	45.7		
24	5A	39	39	100.0					39	100.0					34	87.2	5	12.8			37	94.9	2	5.1			33	84.6	6	15.4		
25	5B	37	36	97.3	1	2.7			36	97.3	1	2.7			26	70.3	11	29.7			36	97.3	1	2.7			27	73.0	10	27.0		
26	5C	38	32	84.2	6	15.8			34	89.5	4	10.5			27	71.1	11	28.9			28	73.7	10	26.3			28	73.7	10	26.3		
27	5D	39	25	64.1	14	35.9			25	64.1	14	35.9			25	64.1	14	35.9			25	64.1	14	35.9			25	64.1	14	35.9		
28	05	153	132	86.3	21	13.7			134	87.6	19	12.4			112	73.2	41	26.8			126	82.4	27	17.6			113	73.9	40	26.1		

CHIEU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)
TIÊU HỌC
Đang Thị Thanh